

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28- 7 -2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thủy và ông Trần Xuân Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXX-ST ngày 27 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Anh K- sinh năm 1981.

- Bị đơn: Chị Lê Thị H - sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, anh K và chị H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 29 tháng 3 năm 2023, các văn bản tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Phạm Anh K trình bày: Anh và chị Lê Thị H đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 11 năm 2003 trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Thọ Tân, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: Bất đồng về quan điểm sống. Thời điểm đó, chị H muốn anh K về nước làm ăn nhưng anh K ở lại Hàn Quốc để kiếm thêm thu nhập. Đến đầu tháng 02 năm 2023 anh K về Việt Nam sinh sống thì phát hiện chị H ngoại tình với bạn của anh K dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, không thể sống chung với nhau được. Vợ chồng tuy ở cùng một nhà nhưng ăn riêng, ngủ riêng, không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh K đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị H.

2. Tại Bản tự khai ngày 17/4/2023, bị đơn là chị Lê Thị H trình bày và đề nghị: Chị và anh Phạm Anh Kđăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 11 năm 2003, trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Thọ Tân, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 19 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: Bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, anh Kđi xuất khẩu lao động từ năm 2011 ở Hàn Quốc, chị ở nhà làm lụng chăm sóc và nuôi con, lo toan cho gia đình. Anh Kđi hết hợp đồng lao động nhưng không về mà ở lại Hàn Quốc cho đến tháng 2/2023 anh Kmới về nước. Vợ chồng xa nhau quá lâu, không còn tình cảm và sự quan tâm dành cho nhau. Chị có cảm nắng bạn trai của anh Knhưng chỉ dừng lại ở mức ôm hôn. Chị đã xin lỗi nhưng anh Kkhông tha thứ dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Tại bản tự khai ngày 17/4/2023, chị H đồng ý ly hôn anh Kiên. Tại biên bản hòa giải ngày 16/6/2023, chị H mong muốn vợ chồng đoàn tụ để con có cả bố và mẹ. Tại phiên tòa, chị H yêu cầu khi nào anh Kgiao cho chị số tiền phân chia tài sản mà vợ chồng đã thỏa thuận thì khi đó chị mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Kvà chị H thống nhất trình bày: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Phạm Lê Yến N, sinh ngày 08/11/2004. Cháu đã trưởng thành, khỏe mạnh, cháu tự quyết định ở với bố hoặc mẹ. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Kvà chị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Kkhởi kiện xin ly hôn chị H cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Anh Phạm Anh Kvà chị Lê Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Thọ Tân, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 127/2003 ngày 28 tháng 11 năm 2003 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, chị H có mối quan hệ thân thiết với người nam giới khác dẫn mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị H mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Về việc thỏa thuận phân chia tài sản của vợ chồng không ảnh hưởng đến yêu cầu xin ly hôn của anh Kiên. Tại phiên tòa, anh Kxác định tình cảm vợ chồng không còn nên tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia

đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Kiên, xử cho anh Kđược ly hôn chị H.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Phạm Lê Yên N, sinh ngày 08/11/2004, đã trưởng thành. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét. Trường hợp, các đương sự thỏa thuận phân chia tài sản không thành thì có quyền khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Anh Kphải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 271, 273 BLTTDS; Điều 51,56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh Phạm Anh Kđược ly hôn chị Lê Thị H.

2. Về con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Kphải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2021/0016964 ngày 05/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh Kđã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. T;
- Chi cục THA. T;
- UBND xã T
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 28 tháng 7 năm 2023

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thủy và ông Trần Xuân Anh

Tiến hành thảo luận vụ án dân sự thụ lý số 83/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Anh K- sinh năm 1981.

- Bị đơn: Chị Lê Thị H - sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Điều luật áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 271, 273 BLTTDS; Điều 51,56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh Phạm Anh Kđược ly hôn chị Lê Thị H.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về Con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Về án phí: Anh Kphải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2021/0016964 ngày 05/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh Kđã nộp đủ án phí.

Kết quả biểu quyết: 3/3

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 28 tháng 7 năm 2023

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hữu Thủy

Trần Xuân Anh

Lê Thị Thu

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

Vào hồi giờ phút, ngày 13 tháng 7 năm 2023

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Kim Cảnh và ông Lê Đăng Nhân

Tiến hành thảo luận vụ án dân sự thụ lý số 83/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc Ly hôn.

- Nguyên đơn: Anh Phạm Anh K- sinh năm 1981.

- Bị đơn: Chị Lê Thị H - sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Điều luật áp dụng: Khoản 1 Điều 227, Điều 233,235 BLTTHS

Xét thấy: Bị đơn là chị Lê Thị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do chính đáng.

Hoãn phiên tòa xét xử vụ án dân sự thụ lý số 83/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc Ly hôn.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Thảo luận kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 13 tháng 7 năm 2023

Biên bản thảo luận đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Kim Cảnh Lê Đăng Nhân

Lê Thị Thu

